生 殖 醫 學 研 究 室 試 管 嬰 兒 同 意 書

Biên bản đồng ý thụ tinh trong ống nghiệm Phòng nghiên cứu y học sinh sản

我們夫妻(夫　姓名：_____　妻　姓名：_____)雙方皆已達法定年齡及婚姻關係且身心健康，爲達生育之目的，特此請求_____醫院生殖醫學研究室實施試管嬰兒治療．在實施試管嬰兒的過程中可能包括誘導排卵，取得卵子，精蟲處理，體外受精與胚胎植入等步驟，這些過程及其可能的併發症已由貴院_____醫師詳細說明，我們業已充分瞭解。

Vợ chồng chúng tôi (Họ tên chồng: , Họ tên vợ:) hai bên đều đã đến độ tuổi pháp luật cho phép và có quan hệ hôn nhân, tinh thần thể chất khỏe mạnh. Để đạt mục đích sinh sản, kính mong Phòng nghiên cứu y học sinh sản bệnh viện…….thực hiện điều trị thụ tinh ống nghiệm. Trong quá trình thực hiện thụ tinh ống nghiệm, có thể bao gồm các bước như : kích trứng, lấy trứng, xử lý tinh trùng, thụ tinh ngoài cơ thể và cấy phôi…Toàn bộ quá trình này và biến chứng có thể xảy ra đã do bác sỹ … … của quý bệnh viện giải thích tỉ mỉ. Chúng tôi đã hiểu đầy đủ.

我們夫妻共同了解並接受下列各項說明：

Vợ chồng tôi cùng hiểu và chấp nhận những giải thích dưới đây:

壹、 茲保證我們夫妻兩人爲接受人工協助生殖科技所提供之精子，確為立同意書之夫妻所有，絕無以不正當手段更換。

1.Đảm bảo tinh trùng mà hai vợ chồng tôi cung cấp để thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản nhân tạo thực sự là sở hữu của cặp vợ chồng đã lập biên bản đồng ý , tuyệt đối không được thay đổi bằng thủ đoạn không chính đáng.

貳、依照衛生署規定取卵手術必須檢附夫妻雙方愛滋病篩檢與梅毒血清試驗結果，若無近半年資料，則需接受檢驗。

2. Phẫu thuật lấy trứng theo quy định của Sở Y tế cần kèm theo Kết quả xét nghiệm HIV và giang mai của cả hai vợ chồng, nếu không có hồ sơ sáu tháng gần đây, thì cần phải xét nghiệm.

參、我們充分了解人類的生育功能即使是在夫妻雙方生執功能都完全正常的狀況下，根據統計每次月經週期的自然受孕率約為百分之十左右．接受體外受精與胚胎植入的治療週期，其預估的懷孕力約為百分之三十至五十左右。

3.Chúng tôi hiểu rõ chức năng sinh sản của con người cho dù trong điều kiện chức năng sinh sản của cả hai vợ chồng đều hoàn toàn bình thường, thì căn cứ vào thống kê tỷ lệ thụ thai tự nhiên của mỗi chu kỳ kinh nguyệt khoảng xấp xỉ 10%, chu kỳ điều trị tiếp nhận thụ tinh bên ngoài cơ thể và cấy phôi , khả năng mang thai dự tính khoảng xấp xỉ 30-50%.

肆、我們了解根據研究統計顯示，人類在正常生產中就有百分之四的嬰兒有精神或兒體的缺陷，有百分之二十的懷孕可能會流產．試管嬰兒只是幫助達到懷孕目的的一種治療方式，並不能保證懷孕成功後所生出來小孩是完全正常的．精蟲或卵經過處理後用於施行試管嬰兒的治療並不會增加胎兒畸形的比率。

4.Chúng tôi biết rằng căn cứ vào thống kê nghiên cứu cho thấy, loài người trong quá trình sinh sản bình thường sẽ có 4% trẻ sơ sinh có khiếm khuyết về tinh thần hoặc thể chất, có 20% mang thai có khả năng bị xảy thai. Thụ tinh ống nghiệm chỉ có thể là một phương pháp điều trị đạt mục đích mang thai, chứ không thể bảo đảm đứa trẻ sinh ra sau khi mang thai thành công là hoàn toàn bình thường. Tinh trùng và trứng sau khi xử lý dùng để thực hiện điều trị thụ tinh ống nghiệm , đồng thời không làm tăng tỷ lệ dị tật của thai nhi.

伍、在試管嬰兒的治療過程中，會使用刺激排卵的藥物以幫助受孕，因此發生多胞胎的機率會比自然懷孕高．我們也了解有少數人在接受刺激排卵的藥物後會出現卵巢過度刺激症候群的可能。

5.Trong quá trình điều trị thụ tinh ống nghiệm, sẽ sử dụng thuốc kích trứng để hỗ trợ thụ thai, xác suất gây ra đa thai vì thế cao hơn mang thai tự nhiên. Chúng tôi cũng biết rằng có một số ít người sau khi tiếp nhận thuốc kích trứng sẽ có khả năng xuất hiện hội chứng kích thích buồng trứng quá độ.

陸、我們了解在取卵手術或胚胎植入的過程中，依需要大多數經由陰道，也可能經由腹腔鏡手術，必須承擔麻醉之風險及手術本身之風險．有關手術與麻醉的危險性及可能併發症，包括感染，呼吸道問題，出血或其他偶發的病變等等，我們已充分的認知．若在執行手術或麻醉期間發生緊急情況，我們同意接受貴院實施必要的處置。

6.Chúng tôi hiểu trong phẫu thuật lấy trứng hoặc trong quá trình cấy phôi, theo nhu cầu đại đa số thông qua âm đạo, cũng có thể thông qua phẫu thuật nội soi, cần phải chịu những rủi ro gây mê và rủi ro phẫu thuật. Tính nguy hiểm liên quan tới phẫu thuật và gây mê cùng hội chứng có thể xảy ra bao gồm nhiễm trùng, vấn đề đường hô hấp, xuất huyết hoặc những biến chứng bộc phát khác…chúng tôi cũng đã biết đầy đủ. Nếu xảy ra tình huống khẩn cấp trong thời gian thực hiện phẫu thuật hoặc gây mê, chúng tôi đồng ý tiếp nhận những xử lý cần thiết

của quý bệnh viện.

柒、我們了解在試管嬰兒的治療週期中，可能因為下列因素而導致治療失敗：

7.Chúng tôi hiểu trong chu kỳ điều trị thụ tinh ống nghiệm, có thể điều trị thất bại vì những nhân tố dưới đây:

甲、無法取得卵子：可能的原因包括對於刺激藥物反應不良，體內賀爾蒙的異常變化排卵日期的預測困難或失誤，　或是取卵技術上的困難，以致無法取得卵子，如嚴重的骨盆腔沾連或子宮內膜異位症等等。

A.Không thể lấy được trứng: Nguyên nhân có thể bao gồm phản ứng xấu đối với thuốc kích trứng, thay đổi bất thường của hóc môn trong cơ thể, khó khăn hoặc sai sót trong dự đoán ngày rụng trứng, hoặc là khó khăn trong kỹ thuật lấy trứng, dẫn tới không thể lấy trứng; như dính xương chậu hoặc lạc nội mạc tử cung…

乙、取得的卵子可能無法與配偶的精子在體外成功受精；受精成功後，受精卵不一定能夠繼續分裂．未能受精的卵子或不能繼續分裂的受精卵，並不適宜植入子宮。

C.Trứng có được có thể không thể thụ tinh thành công bên ngoài cơ thể cùng với tinh trùng của người chồng; Sau khi thụ tinh thành công, trứng thụ tinh chưa chắc có thể tiếp tục phân tách, trứng không thể thụ tinh hoặc trứng thụ tinh mà không thể tiếp tục phân tách đều không thích hợp để cấy vào tử cung.

丙、胚胎植入後可能無法著床，也就無法懷孕。

D. Sau khi cấy phôi có thể không thể làm ổ, thì cũng không thể mang thai.

捌、我們了解試管嬰兒壞孕成功後，流產的比率及子宮外孕的機會較一般孕婦略高。

8.Chúng tôi hiểu rằng sau khi mang thai thành công qua thụ tinh ống nghiệm, thì tỷ lệ sảy thai và khả năng mang thai ngoài tử cung tương đối cao hơn thai phụ thông thường.

玖、我們同意在試管嬰兒懷孕成功後，會接受例行產前檢查，必要時也會依照醫師建議接受產前遺傳諮詢與診斷，於分娩後我們願意接受新生兒先天性代謝異常疾病的篩選。

9.Chúng tôi đồng ý sau khi thành công mang thai qua thụ tinh ống nghiệm, sẽ tiếp nhận một loạt kiểm tra trước sinh, khi cần thiết sẽ theo kiến nghị của bác sỹ tiếp nhận tư vấn và chẩn đoán di truyền trước sinh, sau khi sinh xong chúng tôi đồng ý tiếp nhận sàng lọc bệnh rối loạn chuyển hóa bẩm sinh dành cho trẻ sơ sinh.

拾、冷凍胚胎：未植入的胚胎可考慮委託冷凍保存．但當夫妻有一方死亡或離婚（此

時應通知院方），或超過委託保存期限時，皆同意胚胎銷毀。

10.Đông lạnh phôi: Phôi chưa cấy có thể xem xét ủy quyền lưu trữ đông lạnh, nhưng khi một bên vợ hoặc chồng chết hoặc li hôn (lúc này cần thông báo cho phía bệnh viện), hoặc quá thời hạn ủy quyền lưu trữ , đều đồng ý tiêu hủy phôi.

拾壹、我們瞭解_____醫院生殖醫學研究室為尊重個人隱私權，只有當事人夫妻能夠查詢治療過程中的個人資料。

11.Chúng tôi hiểu Phòng nghiên cứu y học sinh sản bệnh viện…… tôn trọng quyền riêng tư cá nhân, chỉ có cặp vợ chồng liên quan mới tra tìm được dữ liệu cá nhân trong quá trình điều trị.

拾貳、我們了解_____醫院生殖醫學研究室為保障醫療安全與患者健康，在試管嬰兒的治療過程中所使用過的試管及導管，用過一次隨即丟棄，絕不重複使用。

12. Chúng tôi hiểu rằng Phòng nhiên cứu Y học sinh sản bệnh viện …… để đảm bảo an toàn điều trị y tế và sức khỏe người bệnh, những ống thử nghiệm và ống dẫn từng sử dụng trong quá trình điều trị thụ tinh ống nghiệm đều chỉ sử dụng một lần, tuyệt đối không sử dụng lại.

我們夫妻業已充分了解試管嬰兒的程序及以上說明，同意_____醫院生殖醫學研究室施行試管嬰兒治療，願意共同簽署本同意書，以茲證明。

Vợ chồng chúng tôi đã hiểu đầy đủ trình tự thụ tinh ống nghiệm và nội dung nói trên, đồng ý để Phòng nghiên cứu y học sinh sản bệnh viện……. thực hiện điều trị thụ tinh ống nghiệm. Để xác nhận điều trên, chúng tôi đồng ý cùng ký kết vào biên bản đồng ý này.

此致　_____醫院　生殖醫學研究室

Kính gửi　Phòng nghiên cứu Y học sinh sản bệnh viện ……

夫 Chồng：_____（簽名蓋章）(Ký tên đóng dấu)　身分證字號 Số CMT：_

血型 Nhóm máu：_____　RH：_____

妻 Vợ：_____（簽名蓋章）(Ký tên đóng dấu)　身分證字號 Số CMT：____

血型 Nhóm máu：_____　RH：_____

地址 Địa chỉ: _____

中　華　民　國　　年　　月　　日

Ngày　tháng　năm